

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CG
TỈNH TG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 253/2023/DS-ST;
Ngày: 20/7/2023.

*V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản và mua bán tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CG – TỈNH TG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Minh Quân;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Hoàng Hoa;

Bà Lê Thị Ngọc Ánh;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CG: không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CG, tỉnh TG xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 46/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2023/QĐST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Kim L** – sinh năm 1964;

Địa chỉ: ấp AK, xã MTA, huyện CG, tỉnh TG;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (Theo giấy ủy quyền ngày 21/10/2022): Anh **Trần Văn T** – sinh năm 1965;

Địa chỉ: số 171, ấp MT, xã MTA, huyện CG, tỉnh TG;

*** Bị đơn:** Anh **Trần Quốc V** – sinh năm 1980;

Địa chỉ: ấp NT, xã TBT, huyện CG, tỉnh TG.

(Anh T có mặt, anh V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 13/02/2023, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Do quen biết, nên ngày 30/01/2022 âm lịch (tức ngày 02/3/2022 dương lịch) chị Nguyễn Thị Kim L (tên thường gọi N.L) có cho anh Trần Quốc V vay số tiền 100.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh, thỏa thuận mỗi tháng anh V trả lại 5.000.000 đồng trong vòng 20 tháng tức đến ngày 30/9/2023 là xong nợ; khi vay anh V có viết giấy biên nhận nợ cho chị L. Tuy nhiên, từ lúc vay đến nay, anh V không trả tiền cho chị L theo thỏa thuận. Ngoài ra, vào ngày 22/02/2021, anh V có mua thịt heo của chị L còn nợ lại 36.715.000 đồng, số tiền mua bán thịt heo anh V thiếu nợ là do chị L tự ghi sổ theo dõi mà không có sự ký tên xác nhận nợ của anh V.

Nay chị L khởi kiện yêu cầu anh V phải 100.000.000 đồng nợ vay và 36.715.000 đồng tiền nợ mua bán thịt heo, tổng cộng là 136.715.000 đồng. Yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn anh Trần Quốc V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về nội dung vụ án và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

** Tại phiên tòa:*

- Đại diện ủy quyền của nguyên đơn anh Trần Văn T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể vẫn yêu cầu anh V trả số tiền vay là 100.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi, và xin rút yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng mua thịt heo còn nợ 36.715.000 đồng.

- Bị đơn Trần Quốc V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L khởi kiện yêu cầu anh Trần Quốc V trả lại số tiền vay và tiền nợ do mua bán nên xác định quan hệ pháp luật là “Hợp đồng vay tài sản” và “Hợp đồng mua bán tài sản”, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Quốc V có nơi cư trú tại ấp Nhứt Tân, xã TBT, huyện CG, tỉnh TG, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CG, tỉnh TG theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Quốc V đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh V.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với hợp đồng vay tài sản. Chị L yêu cầu anh V trả số tiền nợ vay là 100.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là giấy biên nhận nợ ngày 30/01/2022 âm lịch do anh V tự viết và ký tên được chị L nộp

kèm đơn khởi kiện thể hiện anh V có mượn của bà N.L (theo xác nhận của Công an xã MTA ngày 16/5/2022 thì chị Nguyễn Thị Kim L có tên thường gọi là N.L) số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi tháng anh V trả lại 5.000.000 đồng trong vòng 20 tháng, bắt đầu từ ngày 30/02/2022 đến ngày 30/9/2023 là xong nợ. Tuy nhiên, từ lúc vay đến nay, anh V không trả tiền cho chị L theo thỏa thuận là vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay đối với bên cho vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Anh V mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên căn cứ vào Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, anh V phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy biên nhận nợ ngày 30/01/2022 xác định anh V có vay của chị L số tiền 100.000.000 đồng đến nay chưa trả, nên việc chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh V trả số tiền 100.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Đối với hợp đồng mua bán tài sản. Chị L khởi kiện yêu cầu anh V trả số tiền nợ mua bán thịt heo là 36.715.000 đồng. Tại phiên tòa, anh T đại diện theo ủy quyền của chị L xin rút lại yêu cầu khởi kiện này, xét thấy: Việc người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là có căn cứ theo nội dung của giấy ủy quyền được công chứng ngày 21/10/2022 và phù hợp với Điều 5, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với tiền lãi, nguyên đơn không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 218, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim L.

1.1. Buộc anh Trần Quốc V có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Kim L số tiền nợ vay là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, anh V phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ hợp đồng mua bán là 36.715.000 đồng.

Hậu quả của việc đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật đương sự được quyền khởi kiện lại theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Anh Trần Quốc V phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Thị Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại chị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.417.875 đồng theo biên lai thu số 0025625 ngày 15/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CG.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh TG xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện CG;
- Chi cục THADS huyện CG;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trịnh Minh Quân